

Số: 03/QĐ-YHCT

Bến Tre, ngày 03 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 1090/QĐ-SYT ngày 27/12/2024 của Giám đốc Sở Y tế Bến Tre về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở y tế (thay báo cáo)
- Toàn thể VC, NLĐ (để biết);
- Tổ CNTT (đăng tải Website);
- Lưu: VT, TCKT.



GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Hồng Liên

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bến Tre**Chương: 423****DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC***(Kèm theo Quyết định số 03 /QĐ-YHCT ngày 03 /01/2025 của Bệnh viện YHCT tỉnh Bến Tre)**Đvt: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách (Nguồn thu khám chữa bệnh)	
1	Số thu	40.036
1.1	Nguồn thu khám chữa bệnh	34.000
1.2	Nguồn thu khác	6.036
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	39.790
2.1	Chi sự nghiệp	34.000
2.2	Chi khác	5.790
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	246
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.931
1	Chi quản lý hành chính	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	19.931
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (khoản 132- mã nguồn 13)	17.876
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (khoản 132- mã nguồn 12)	2.055

thuc